

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TƯ DUY PHẢN BIỆN CHO HỌC SINH LỚP 12 TRONG DẠY HỌC VIẾT VĂN NGHỊ LUẬN

Nguyễn Thị Uyên¹,
Nguyễn Phương Mai^{2,+}

¹Học viên Cao học K33, Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;

²Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

+Tác giả liên hệ • Email: mainp@vnies.edu.vn

Article history

Received: 05/02/2025

Accepted: 12/3/2025

Published: 20/4/2025

Keywords

Critical thinking, critical thinking competence, argumentative writing, social argumentation, youth-related issues

ABSTRACT

Teaching Literature in high schools is undergoing substantial changes to develop students' competence, including critical thinking capacity. Developing critical thinking competency for 12th grade students in writing argumentative essays on youth-related issues is essential, contributing to improving the effectiveness of teaching Literature in high schools in general, and 12th grade in particular. The article presents some fundamental theoretical issues on developing critical thinking for 12th-grade students through writing social argumentative essays on a youth-related issue. Thereby, the article contributes to improving education quality and equipping students with necessary skills to overcome challenges in study and life, solidifying the foundation for forming a generation of responsible citizens who know how to debate and actively participate in social life scientifically and humanely.

1. Mở đầu

Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) môn Ngữ văn 2018 đặt trọng tâm vào việc phát triển phẩm chất và năng lực người học, trong đó năng lực tư duy phản biện (TDPB) - dù không được nhắc đến một cách trực tiếp - lại đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành tư duy độc lập, lập luận chặt chẽ và khả năng phản biện của HS. Việc rèn luyện TDPB không chỉ giúp HS tiếp cận vấn đề một cách khách quan, đa chiều mà còn góp phần nâng cao chất lượng viết văn nghị luận xã hội (NLXH) - một nội dung quan trọng trong Chương trình môn Ngữ văn lớp 12. Theo cấu trúc đề thi minh họa môn Ngữ văn 2025, NLXH chiếm tỉ lệ điểm đáng kể trong bài thi tốt nghiệp THPT, với 2/10 điểm cho đoạn văn NLXH và 4/10 điểm cho bài văn NLXH (Bộ GD-ĐT, 2024). Thực tiễn cho thấy, NLXH không chỉ là một bài tập ngôn ngữ đơn thuần mà còn là công cụ đánh giá năng lực lập luận, phân tích vấn đề và TDPB của HS. Đặc biệt, trong Chương trình môn Ngữ văn lớp 12, các vấn đề nghị luận liên quan đến tuổi trẻ - bao gồm lối sống, hoài bão, khát vọng và cống hiến - yêu cầu HS không chỉ đưa ra quan điểm cá nhân mà còn phải lập luận sắc bén, sử dụng dẫn chứng thuyết phục, tiếp cận vấn đề từ nhiều góc độ để tránh tư duy phiến diện. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều bài viết của HS vẫn còn rời rạc, thiếu sự liên kết cả về nội dung và hình thức; không ít bài mới chỉ dừng lại ở việc trình bày ý kiến một cách cảm tính mà chưa đi sâu vào phân tích bản chất vấn đề. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc phát triển TDPB trong quá trình dạy và học văn NLXH, giúp HS nâng cao năng lực lập luận, phân tích và đánh giá thông tin một cách khoa học. Bài báo trình bày một số vấn đề lý luận cơ bản về phát triển năng lực TDPB cho HS lớp 12 trong việc viết văn bản nghị luận (trường hợp chủ đề về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ); đi sâu phân tích, làm rõ những vấn đề liên quan đến văn bản NLXH, đề xuất những phương pháp, kỹ thuật và công cụ dạy học nhằm giúp HS phát triển năng lực TDPB trong những giờ học viết văn bản NLXH nói chung, văn bản nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ nói riêng.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Năng lực tư duy phản biện

“TDPB” là một quá trình nhận thức giúp con người phản ánh hiện thực khách quan thông qua khái niệm, phán đoán và suy luận (Bùi Lan Hương, 2023). Theo Hoàng Phê (2003), “tư duy” là giai đoạn nhận thức giúp khám phá bản chất và quy luật của sự vật. Ennis (1987) định nghĩa “TDPB” là sự suy niệm hợp lý nhằm xác định niềm tin hoặc hành động. Nguyễn Thị Quỳnh Phương (2019) cũng khẳng định rằng TDPB là công cụ để đánh giá sự việc, xu hướng và giả thuyết, từ đó xác định tính chính xác và đưa ra quyết định phù hợp. Theo đó, TDPB có những đặc trưng cốt lõi như tính khách quan, logic, toàn diện, đối thoại, độc lập và linh hoạt. Cụ thể, tính khách quan thể hiện qua việc

đánh giá công bằng, dựa trên lập luận chặt chẽ và bằng chứng xác thực; tính toàn diện yêu cầu xem xét sự vật trong bối cảnh rộng hơn, đánh giá mối quan hệ và sự biến đổi của nó; tính đối thoại nâng cao nhận thức khi các quan điểm được phân tích, phản biện và bổ sung lẫn nhau; tính độc lập giúp cá nhân tách biệt cảm xúc khỏi lí trí, xây dựng lập luận dựa trên dữ liệu thay vì định kiến. Cuối cùng, tính linh hoạt cho phép TDPB thích ứng với những vấn đề phức tạp mà không bị ràng buộc bởi khuôn mẫu cố định.

Dựa trên phạm vi ứng dụng, TDPB được chia thành tư duy tự phản biện và TDPB ngoại cảnh. “Tư duy tự phản biện” là quá trình cá nhân phân tích và đánh giá lại suy nghĩ, hành động của chính mình, trong khi TDPB ngoại cảnh liên quan đến việc thu thập thông tin từ môi trường bên ngoài, đánh giá từ nhiều góc độ để đưa ra quyết định tối ưu trong những tình huống cụ thể (Lê Thanh Sơn và Đoàn Đức Lương, 2018). Ở lứa tuổi HS lớp 12, TDPB bước đầu phát triển nhưng chưa hoàn thiện. HS bắt đầu biết đánh giá độ tin cậy của thông tin, xem xét vấn đề đa chiều, lập luận để bảo vệ quan điểm cá nhân và phản biện các tư tưởng truyền thống. Tuy nhiên, khả năng này vẫn còn sơ khai do bị chi phối bởi cảm xúc và định kiến xã hội, dẫn đến đánh giá chưa toàn diện, thậm chí có xu hướng bảo vệ quan điểm cá nhân một cách cực đoan trong tranh luận. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ vốn sống còn hạn chế và thiếu kĩ năng phân tích, khiến HS dễ bị tác động bởi thông tin sai lệch trong bối cảnh mạng xã hội phát triển mạnh. Do đó, việc rèn luyện TDPB trong giảng dạy Ngữ văn không chỉ giúp nâng cao tư duy mà còn trang bị khả năng tự bảo vệ trước những tác động phức tạp của đời sống hiện đại.

Trong Chương trình GDPT 2018, “năng lực” được định nghĩa là thuộc tính cá nhân hình thành và phát triển nhờ tổ chất sẵn có cùng quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng và các yếu tố cá nhân khác để thực hiện một hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong điều kiện cụ thể (Bộ GD-ĐT, 2018). Nguyễn Thành Thi (2013) xác định “năng lực TDPB” là khả năng nhận diện chân lí, phát hiện các nguy hiểm, cảnh báo nguy cơ nhận thức sai lệch và thúc đẩy chủ thể tái đánh giá vấn đề một cách sâu sắc hơn. Phan Đức Duy và cộng sự (2024) cũng mô tả “năng lực TDPB” như một dạng tư duy được cấu thành từ ba yếu tố có quan hệ thống nhất: kiến thức nền tảng, kĩ năng phản biện và khuynh hướng phản biện, giúp cá nhân phân tích, đánh giá lập luận và ra quyết định hiệu quả trong từng bối cảnh cụ thể. Dựa trên các nghiên cứu này, có thể xác định một số đặc điểm tiêu biểu của người có năng lực TDPB như thái độ hoài nghi tích cực, tư duy đa chiều, tôn trọng ý kiến trái chiều và khả năng nhận diện nguy hiểm trong lập luận. Người có TDPB không chấp nhận thông tin một cách thụ động mà luôn đặt câu hỏi, phân tích và đánh giá dựa trên cơ sở lí luận và bằng chứng xác thực; họ tiếp cận sự vật, hiện tượng dưới nhiều góc độ khác nhau, nhìn nhận vấn đề trong mối quan hệ với các yếu tố liên quan để đảm bảo tính khách quan và toàn diện. Việc tôn trọng ý kiến không chỉ tạo môi trường tranh luận tích cực mà còn thúc đẩy quá trình đối thoại, làm sâu sắc thêm nhận thức cá nhân và tập thể. Quan trọng hơn, một TDPB mạnh mẽ còn giúp cá nhân nhận diện và phản biện lại các lập luận sai lầm, nguy hiểm, từ đó nâng cao chất lượng tư duy và đưa ra quyết định chính xác hơn.

2.1.2. Văn bản nghị luận xã hội về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

Theo Hoàng Phê (2003), “văn bản nghị luận” là thể loại văn bản nhằm bàn luận và đánh giá một vấn đề nhất định dựa trên phân tích và lập luận chặt chẽ. Bảo Quyên (2007) cho rằng văn bản NLXH là hình thức nghị luận về các vấn đề liên quan đến mọi lĩnh vực đời sống, từ chính trị, kinh tế, giáo dục, môi trường đến dân số. Quan điểm này được Đỗ Ngọc Thống (2010) nhấn mạnh khi khẳng định rằng văn NLXH không chỉ phân tích, bàn bạc về các mối quan hệ xã hội mà còn hướng đến việc tạo ra những tác động tích cực đến con người và cộng đồng. Tương tự, Hoàng Dân (2012) mô tả NLXH là kiểu bài sử dụng lí lẽ và thực tiễn để giải quyết các vấn đề xã hội, từ những hiện tượng đời sống hằng ngày đến những vấn đề đạo đức, chính trị rộng lớn, qua đó khuyến khích trách nhiệm và hành động của cá nhân nhằm duy trì sự tồn tại và phát triển của cộng đồng. Từ những định nghĩa trên, có thể thấy văn bản NLXH là một hình thức lập luận khoa học, sử dụng hệ thống luận đề, luận điểm và dẫn chứng chặt chẽ để thuyết phục người đọc, người nghe về một vấn đề trong xã hội, đồng thời thúc đẩy sự phản biện và tham gia tích cực của cá nhân vào đời sống cộng đồng. Theo đó, văn bản NLXH về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ là một kiểu văn bản dùng lí lẽ và thực tế để giải quyết, bàn luận xoay quanh các vấn đề đặt ra liên quan đến tuổi trẻ thông qua một hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng cụ thể, chặt chẽ, khoa học, nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về vấn đề đó.

- *Đặc trưng của văn bản NLXH về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ:* + *Mang tính xã hội và tính giáo dục:* Văn bản NLXH về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ là kiểu văn bản của văn nghị luận nên có sự kế thừa những đặc trưng cơ bản của văn nghị luận. Tuy nhiên, kiểu văn bản này cũng có đặc trưng riêng của nó, đó là tính xã hội và tính giáo dục. Văn NLXH về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ thường bàn luận về những đề tài, chủ đề xoay quanh các hiện

tượng đời sống, xã hội,... gắn với tuổi trẻ như: lòng yêu nước, sự thấu hiểu, tinh thần tương thân tương ái, ý nghĩa của đọc sách, tình trạng nổi loạn chửi thề trong môi trường học đường,... cho nên mang tính xã hội. Do hướng đến xã hội và sự hiểu biết xã hội của giới trẻ nên văn bản NLXH về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ mang tính giáo dục; + *Mang tính thuyết phục*: Mục đích cuối cùng của văn bản NLXH về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ là thuyết phục người đọc, người nghe về một vấn đề nào đó, nên có sự tác động nhất định đến người đọc, người nghe, từ đó giúp họ hoàn thiện hơn về mặt nhận thức và hành động...

- *Nội dung văn bản NLXH về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ trong sách giáo khoa Ngữ văn 12 hiện nay (bảng 1):*

Bảng 1. Nội dung văn bản NLXH về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ trong sách giáo khoa Ngữ văn 12

STT	Bộ sách	Nội dung	
1	Cánh Diều	Bài 4: Văn tế, thơ	Viết bài nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ (Lối sống lành mạnh, hoài bão, khát vọng cống hiến,...).
		Bài 6: Thơ văn Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh	Viết bài nghị luận về quan niệm yêu nước của tuổi trẻ.
2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bài 3: Lập luận trong văn bản nghị luận	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ (Những hoài bão, ước mơ).
		Bài 7: Sự thật trong tác phẩm kí	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).
3	Chân trời sáng tạo	Bài 2: Những ô cửa nhìn ra cuộc sống (Truyện lãng mạn và hiện thực)	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ.
		Bài 6: Trong thế giới của giấc mơ (Thơ)	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

Bảng 1 cho thấy, nội dung văn bản nghị luận trong Chương trình GDPT môn Ngữ văn 2018 đã được cụ thể hóa thành nhiều đề tài, chủ đề khác nhau và đa phần là có sự liên kết trực tiếp với nội dung của văn bản mà các em mới được học ở mạch đọc. Ví dụ, trong “Bài 6. Thơ văn Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh” (Lã Nhâm Thìn và cộng sự, 2018b), ở mạch đọc, HS sẽ được học những sáng tác của Hồ Chí Minh, xoay quanh đề tài đất nước. Mạch viết trong bài học này đã dựa trên đề tài, nội dung từ những văn bản ấy để hướng dẫn HS viết bài nghị luận về quan niệm yêu nước của tuổi trẻ; và việc tiếp nối giữa hai mạch dựa trên nền tảng tri thức, trải nghiệm nền như trên sẽ giúp cho các em có được cái nhìn sâu sắc, toàn diện hơn về nội dung của bài viết.

- *Cấu trúc của văn bản NLXH về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ*: Mỗi loại hình văn bản có những đặc điểm cấu trúc riêng biệt. Chúng ta thường thấy “công thức” viết bài văn nghị luận quen thuộc, gần gũi nhất đối với HS Việt Nam đó là: (1) Mở bài - Giới thiệu vấn đề cần bàn luận; (2) Thân bài - Triển khai những nội dung gồm: Giải thích từ khóa; Nêu thực trạng của vấn đề; Nêu biểu hiện của vấn đề; Lí giải nguyên nhân của vấn đề; Đưa ra các giải pháp để lan tỏa hoặc hạn chế/ngăn chặn vấn đề; Liên hệ bản thân để rút ra bài học; Đưa ra phản đề; (3) Kết bài - Khái quát lại vấn đề được bàn luận. Dựa trên “công thức” trên, chúng tôi đề xuất cách triển khai bài văn NLXH về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ dưới đây: (1) Mở bài - Giới thiệu về vấn đề cần bàn luận; (2) Thân bài - Đưa ra những luận điểm, lí lẽ, bằng chứng để làm rõ cho vấn đề (Luận điểm 1 - Bản chất của vấn đề: Khái niệm, thực trạng, biểu hiện, nguyên nhân, kết quả/hậu quả (Lí lẽ và bằng chứng); Luận điểm 2 - Quan điểm của người viết (Lí lẽ và bằng chứng); Luận điểm 3 - Giải pháp và phản đề (Lí lẽ và bằng chứng)); (3) Kết bài - Khái quát lại vấn đề được bàn luận.

Trong cách triển khai này, chúng tôi đưa ra 03 luận điểm chính: - Luận điểm 1: Làm rõ bản chất của vấn đề qua những yếu tố như khái niệm, thực trạng, biểu hiện...; - Luận điểm 2: Thể hiện rõ quan điểm của người viết, theo đó, từ góc nhìn, quan điểm của mình, người viết phân tích vấn đề tích cực hay tiêu cực, phổ biến hay không phổ biến, cần lan tỏa hay cần hạn chế, ngăn chặn,... Chính từ luận điểm này, người viết có thể kết nối với luận điểm thứ ba; - Luận điểm 3: Đề xuất các giải pháp hữu hiệu và bản luận mở rộng thông qua phản đề, đặc biệt, phản đề là phần quan trọng giúp cho bài viết của HS trở nên sâu sắc, đa diện hơn.

Dựa trên cấu trúc đề xuất, chúng tôi áp dụng vào triển khai cấu trúc bài viết “Viết bài nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ” trong Chương trình môn Ngữ văn lớp 12 - “ Bài 4: Văn tế, thơ” (Lã Nhâm Thìn và cộng sự, 2018a). Bài học đã định hướng cụ thể trước khi viết: “*Viết bài văn nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ là trình bày một cách thuyết phục những quan điểm, suy nghĩ, đánh giá của em về một vấn đề gần gũi, thiết thực nhưng cũng rất giàu ý nghĩa như: lối sống, hoài bão, khát vọng, cống hiến... của tuổi trẻ*” (Lã Nhâm Thìn và cộng sự, 2018, tr 127). Đối với kiểu bài này, chúng ta có thể triển khai như sau: (1) Mở bài - Giới thiệu về vấn đề cần bàn luận; (2) Thân bài - Đưa ra những luận điểm, lí lẽ, bằng chứng để làm rõ cho vấn đề: Luận điểm 1 - Bản chất của vấn đề (Khái niệm: Vấn đề được thể hiện qua từ khóa nào? Từ khóa ấy có nghĩa là gì?; Thực trạng: Vấn đề ấy có phổ biến ở giới trẻ không?; Biểu hiện: Vấn đề ấy được thể hiện qua những phương diện nào?; Nguyên nhân: Những nguyên nhân nào dẫn đến sự ra đời của vấn đề ấy ở giới trẻ?; Ý nghĩa/vai trò: Vấn đề ấy có ý nghĩa như thế nào đối với bản thân người trẻ và cộng đồng?); Luận điểm 2 - Quan điểm của người viết (Nhận xét, đánh giá về vấn đề từ các góc nhìn khác nhau (Vấn đề ấy đối với giới trẻ là tốt hay xấu, văn minh hay không văn minh, cần thiết hay không cần thiết...?; Đưa ra quan điểm trên từng phương diện)); Luận điểm 3 - Giải pháp và phản đề (Đề xuất các giải pháp để lan tỏa hoặc ngăn chặn, hạn chế vấn đề). Trong đó, HS cần tự kiểm chứng, đánh giá xem giải pháp mình đưa ra đã hợp lí, tối ưu và khả thi chưa? Nếu cần điều chỉnh thì cần điều chỉnh ở đâu, như thế nào?; Phản đề: HS lật lại vấn đề để bàn luận sâu hơn về vấn đề đang được bàn luận. Ở đây, HS cần tránh những định kiến, thể hiện rõ suy nghĩ cá nhân để giúp cho bài viết thêm sâu sắc; (3) Kết bài - Khái quát lại vấn đề được bàn luận.

2.2. Đề xuất một số phương pháp và công cụ phát triển năng lực tư duy phản biện cho học sinh lớp 12 trong việc viết văn nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ

2.2.1. Các phương pháp phát triển năng lực tư duy phản biện cho học sinh lớp 12 trong việc viết văn nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ

Phát triển năng lực TDPB cho HS lớp 12 trong việc viết văn NLXH về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ là một việc quan trọng, cấp thiết để các em có thể tạo lập được những văn bản NLXH chặt chẽ, mạch lạc và giàu sức thuyết phục. Chúng tôi đề xuất một số phương pháp được áp dụng trong từng khâu của quá trình viết văn NLXH về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ, cụ thể như sau:

- Ở khâu tìm ý, lập dàn ý: GV có thể sử dụng phương pháp đặt câu hỏi nhằm giúp HS tìm ý thông qua kĩ năng đặt câu hỏi. Kĩ năng này có hai tác dụng chính: Một là, giúp HS xác lập được hệ thống các ý liên quan đến vấn đề nghị luận một cách sâu sắc và toàn diện; Hai là, tạo ra một môi trường tranh luận tích cực, kích thích HS tham gia phản biện. Ở đó, HS sẽ đưa ra thật nhiều câu hỏi cho GV và các HS khác cùng suy nghĩ trả lời. Từ đây, các em sẽ học được cách lắng nghe, phản biện để lựa chọn được cho mình những ý kiến phù hợp nhất hoặc sẽ nảy sinh các ý tưởng mới có liên quan. Bên cạnh đó, GV có thể sử dụng một số phương pháp tổ chức dạy học như: thảo luận nhóm đôi, tổ chức các nhóm nhỏ từ 3 đến 6 người để cùng thảo luận. Để việc tổ chức dạy học không trở nên nhàm chán, đơn điệu, GV có thể sử dụng sơ đồ tư duy hoặc kĩ thuật 5W-1H để giúp HS tự đặt câu hỏi trong quá trình tìm ý, lập dàn ý. Chẳng hạn, với sơ đồ tư duy, GV yêu cầu HS xác định những khía cạnh chính có thể khai thác trong vấn đề cần phân tích.

Ví dụ, bàn về nạn bạo lực học đường, HS lớp 12 cần phải mô hình hóa được những phương diện nội dung như: khái niệm, thực trạng, biểu hiện, nguyên nhân, hệ quả, giải pháp... Còn đối với kĩ thuật 5W-1H, các em cần phải trả lời những câu hỏi cụ thể để tìm ý cho bài viết: What - Cái gì? Vấn đề cần được làm sáng tỏ là gì?; Who - Ai? Vấn đề này gắn bó chủ yếu với đối tượng nào?; When - Khi nào? Vấn đề này thường xảy ra vào lúc nào?; Where - Ở đâu? Vấn đề này thường xảy ra ở đâu?; Why - Tại sao? Nguyên nhân nào dẫn đến sự ra đời của vấn đề này?; How - Như thế nào? Vấn đề này diễn ra như thế nào? Làm thế nào để có thể lan tỏa/ngăn chặn nó? Ngoài ra, GV có thể thiết kế thêm những câu hỏi phụ để dẫn dắt HS giải quyết vấn đề. Các câu hỏi này cần thể hiện rõ mức độ phát triển của tư duy nhằm phát triển năng lực TDPB ở HS (bảng 2):

Bảng 2. Tóm tắt các câu hỏi theo mức độ phát triển của tư duy

Mức độ	Câu hỏi
Diễn giải	- Vấn đề này có nghĩa là gì? Làm sao để cắt nghĩa được nó? - Vấn đề ấy bao gồm những tiểu loại/phương diện nào? Làm sao để có thể phân loại nó một cách tối ưu nhất? Làm sao để sắp xếp nó thành một chỉnh thể chặt chẽ? Làm sao để trình bày được những yếu tố đó?
Phân tích	- Em thực hiện điều đó nhằm mục đích gì? - Vì sao em lại có suy nghĩ như vậy?

	- Kết luận mà em đưa ra đã phù hợp chưa? Vì sao?
Suy luận, phán đoán	- Dựa trên những thông tin thu thập được, em hãy rút ra nhận xét về vấn đề. - Trong những thông tin thu thập được, thông tin nào xác thực? Thông tin nào không xác thực? Em có thể loại trừ thông tin nào? - Em rút ra nhận xét này dựa trên những cơ sở nào? - Nếu những thông tin đều xác thực, em sẽ giải quyết vấn đề được đặt ra như thế nào? - Vấn đề đó sẽ dẫn đến những hậu quả/kết quả/hệ quả nào? - Những trường hợp nào có thể phát sinh thêm trong quá trình giải quyết vấn đề?
Đánh giá	- Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng đó có làm sáng tỏ được luận đề không? - Những lí lẽ mà em đưa ra đã đủ xác đáng chưa? - Bằng chứng em đưa ra có đủ sức thuyết phục không? - Các giải pháp em đưa ra đã hợp lí, tối ưu chưa?
Tự điều chỉnh	- Luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng có cần điều chỉnh, thay đổi không? - Cần điều chỉnh lại nội dung chưa đạt như thế nào để phù hợp hơn với vấn đề được đặt ra?

Với cách tìm ý trên, HS có thể tập trung tìm hiểu những phương diện cốt lõi nhất của vấn đề. Từ đó, các em có thể tập trung hơn trong việc tìm kiếm, xác minh thông tin, giúp cho bài viết thêm sâu sắc và đáng tin cậy; đồng thời các em cũng có thể tự trau dồi, phát triển năng lực TDPB của bản thân. Không những thế, cách thức tìm ý kể trên còn giúp cho bài viết của HS có cấu trúc chặt chẽ, logic và tránh được những lỗi ngụy biện trong lập luận.

- *Ở khâu viết bài*: GV có thể ứng dụng các mô hình đoạn văn nghị luận trên thế giới để HS dễ dàng hình dung được mạch lập luận trong từng đoạn văn, từ đó cấu thành nên một bài văn hoàn chỉnh, chặt chẽ về lập luận logic. Một số mô hình tiêu biểu trên thế giới có thể kể đến như sau: mô hình Hamburger, mô hình TREE, mô hình OREO, mô hình TEELC,... Đặc biệt, mô hình TEELC sẽ rất phù hợp đối với HS lớp 12 trong việc phát triển năng lực TDPB vì nó đòi hỏi sự phân tích, đánh giá sâu sắc trong từng lí lẽ và bằng chứng mà các em đưa ra để phân tích, lập luận.

- *Ở khâu chỉnh sửa*: GV hướng dẫn HS tự đặt câu hỏi để chất vấn, phản biện lại những gì đã viết, qua đó giúp cho bài viết mượt mà hơn về mặt diễn đạt, chặt chẽ hơn về mặt lập luận, đầy đủ hơn về nội dung. Ở đây, GV có thể tham khảo bộ câu hỏi sau: Khái niệm được đưa ra đã khái quát được vấn đề chưa? Những luận điểm, lí lẽ, bằng chứng đã làm sáng tỏ được vấn đề chưa? Các giải pháp được đưa ra đã phù hợp, tối ưu chưa? Nếu các phương diện trên chưa thỏa đáng, chúng ta cần điều chỉnh ở đâu? Cần điều chỉnh như thế nào? Trong thực tế, vấn đề này tồn tại những quan điểm trái chiều nào?

Tóm lại, việc phát triển năng lực TDPB cho HS lớp 12 trong việc viết văn NLXH về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ ở thời điểm này là một việc cần thiết. GV có thể ứng dụng các phương pháp kể trên để kích thích, phát triển năng lực TDPB cho HS nhưng cần có sự linh hoạt, mềm dẻo để đạt được hiệu quả cao nhất trong dạy học.

2.2.2. Một số công cụ phát triển năng lực tư duy phản biện cho học sinh lớp 12 trong việc viết văn nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ

Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, các công cụ hỗ trợ tìm kiếm, xây dựng ý tưởng đang trở nên phổ biến trên khắp các không gian mạng. Để phát triển năng lực TDPB cho HS lớp 12 trong việc viết văn NLXH về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ, GV có thể sử dụng linh hoạt các công cụ hỗ trợ dưới đây: - *Công cụ tìm kiếm thông tin Google Scholar*: giúp HS tìm kiếm được những thông tin chính xác, đáng tin cậy để làm căn cứ cho quá trình giải quyết vấn đề; - *Công cụ hỗ trợ chỉnh sửa bài viết*: Hiện nay, trên không gian mạng có rất nhiều công cụ hỗ trợ chỉnh sửa bài viết như: Grammarly, Hemingway Editor, ChatGPT,... giúp HS chỉnh sửa cách diễn đạt và ngữ pháp một cách nhanh chóng, hiệu quả; đồng thời giúp HS cải thiện được cách tổ chức bài viết sao cho mạch lạc, chặt chẽ; - *Công cụ hỗ trợ làm việc nhóm Padlet, Google Meet, Zoom*: góp phần tạo ra không gian “ảo” giúp HS thoải mái bàn luận, chia sẻ, góp phần kích thích HS phản biện với bạn bè về một vấn đề nào đó được đặt ra; - *Công cụ thiết kế sơ đồ tư duy*: Sơ đồ tư duy cũng được coi là một công cụ giúp HS rèn luyện và phát triển năng lực TDPB thông qua việc trình bày ý tưởng một cách trực quan, khoa học. Do đó, GV có thể giới thiệu tới HS một số trang web, ứng dụng hỗ trợ thiết kế sơ đồ tư duy như: Canva, Prezi, Microsoft PowerPoint, Mapify, Venngage,... Các công cụ kể trên không chỉ giúp HS lớp 12 phát triển năng lực TDPB mà còn góp phần cải thiện kĩ năng viết văn bản NLXH về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ một cách hiệu quả. Tuy nhiên, GV cần kết hợp sử dụng các công cụ trong giảng dạy một cách linh hoạt, phù hợp để HS đạt được hiệu quả học tập tốt nhất.

3. Kết luận

Việc phát triển năng lực TDPB trong dạy học Ngữ văn, đặc biệt là trong quá trình viết văn NLXH về các vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, không chỉ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mà còn giúp HS hình thành tư duy logic, phản biện và lập luận sắc bén. Thực tiễn dạy học hiện nay cho thấy, văn bản NLXH không chỉ chiếm tỉ lệ điểm số đáng kể trong kì thi tốt nghiệp THPT mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá năng lực lập luận, phân tích và đánh giá thông tin của HS. Để nâng cao chất lượng bài viết NLXH, việc rèn luyện TDPB cần được thực hiện một cách có hệ thống, thông qua các phương pháp dạy học hiện đại như đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, sử dụng sơ đồ tư duy và ứng dụng công nghệ hỗ trợ viết. Đồng thời, GV cần linh hoạt áp dụng các kĩ thuật tổ chức bài viết nhằm giúp HS phát triển khả năng lập luận chặt chẽ, tư duy đa chiều và biết cách đánh giá vấn đề một cách khách quan. Bên cạnh đó, trong bối cảnh thông tin đa chiều và sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội, việc rèn luyện TDPB còn giúp HS nâng cao khả năng phân tích, nhận diện thông tin sai lệch, tránh tư duy cảm tính và tiếp cận vấn đề một cách sáng suốt hơn. Như vậy, phát triển năng lực TDPB không chỉ giúp HS viết tốt hơn, tư duy sắc bén hơn mà còn tạo nền tảng cho việc hình thành một thế hệ công dân có trách nhiệm, biết phản biện và tham gia tích cực vào đời sống xã hội một cách khoa học, lí trí và nhân văn.

Tài liệu tham khảo

- Bảo Quyên (2007). *Rèn luyện kĩ năng làm văn nghị luận*. NXB Giáo dục.
- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2024). *Đề thi Ngữ văn tốt nghiệp trung học phổ thông từ năm 2025 (đề minh họa)*. <https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/de-thi-minh-hoa-mon-ngu-van-tot-nghiep-thpt-tu-nam-2025-119231229151047077.htm>
- Bùi Lan Hương (2023). Phát triển năng lực tư duy phản biện cho học sinh trung học phổ thông trong quá trình thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. *Tạp chí Giáo dục*, 23(14), 29-34.
- Đỗ Ngọc Thống (2010). *Dạy và học nghị luận xã hội*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Ennis, R. H. (1987). A Taxonomy of Critical Thinking Dispositions and Abilities. In J. B. Baron, & R. J. Sternberg (Eds.), *Teaching Thinking Skills: Theory and Practice* (pp. 9-26). New York: Freeman.
- Hoàng Dân (2012). *Đề văn nghị luận xã hội*. NXB Thanh niên.
- Hoàng Phê (2003). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Hà Nội.
- Lã Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống (đồng tổng chủ biên), Trần Văn Toàn (chủ biên), Bùi Minh Đức, Bùi Thanh Hoa, Phạm Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Tuyết Minh (2018a). *Ngữ văn 12* (tập một), bộ sách Cánh Diều. NXB Đại học Huế.
- Lã Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống (đồng tổng chủ biên), Trần Văn Toàn (chủ biên), Bùi Minh Đức, Phạm Thị Thu Hiền, Bùi Thanh Hoa, Nguyễn Văn Thuần (2018b). *Ngữ văn 12* (tập hai), bộ sách Cánh Diều. NXB Đại học Huế.
- Lê Thanh Sơn (chủ biên), Đoàn Đức Lương (2018). *Kĩ năng tư duy phản biện*. NXB Đại học Huế.
- Nguyễn Thành Thi (2013). Cần rèn luyện năng lực tư duy phản biện trong học tập cho học sinh, sinh viên. *Tạp chí Khoa học Văn hóa và Du lịch*, 13, 13-15.
- Nguyễn Thị Quỳnh Phương (2019). Thực trạng rèn luyện tư duy phản biện của sinh viên Trường Đại học Hải Phòng. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Hải Phòng*, 37, 75-81.
- Phan Đức Duy, Phạm Thị Phương Anh, Nguyễn Thị Diệu Phương (2024). Năng lực tư duy phản biện của học sinh trung học phổ thông trong dạy học Sinh học. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 133(6C), 119-131.